

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Đoàn Thị Đông	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Diệu	Phó Chủ tịch (từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012)
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012)
Ông Trần Mạnh Đức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012)
Ông Đinh Quang Hoàn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012)
Ông Khuất Tùng Phong	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012 và từ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2012)
Ông Tô Hải	Thành viên (từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012)
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên (từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2012)
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2012)
Ông Lê Việt Thành	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2012)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc
Bà Đoàn Thị Đông	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2013)
Ông Trần Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 2 năm 2013

Số: 0227 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam (gọi tắt là "Công ty"), lập ngày 22 tháng 2 năm 2013, từ trang 3 đến trang 24. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 22 tháng 2 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Vũ Đại Trọng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 1204/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		136.062.901.110	123.923.083.960
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	62.477.239.278	56.839.351.320
1. Tiền	111		4.119.169.621	4.835.728.189
2. Các khoản tương đương tiền	112		58.358.069.657	52.003.623.131
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.672.781.360	2.409.966.840
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.979.120.100	6.979.120.100
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.306.338.740)	(4.569.153.260)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.364.550.018	55.694.266.046
1. Phải thu khách hàng	131		56.467.180.551	48.302.465.144
2. Trả trước cho người bán	132		1.066.244.156	1.252.471.681
3. Các khoản phải thu khác	135		3.641.602.832	7.415.773.968
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(1.810.477.521)	(1.276.444.747)
IV. Hàng tồn kho	140		3.667.811.986	4.057.443.164
1. Hàng tồn kho	141	8	3.667.811.986	4.057.443.164
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.880.518.468	4.922.056.590
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.006.319.659	595.461.503
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.815.768	68.233.332
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		147.660.765	653.589.111
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	6.723.722.276	3.604.772.644
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		33.242.520.509	38.643.473.902
I. Tài sản cố định	220		30.978.074.493	35.761.175.903
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	29.623.322.795	34.182.685.705
- Nguyên giá	222		99.048.737.288	98.408.597.620
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.425.414.493)	(64.225.911.915)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.354.751.698	1.578.490.198
- Nguyên giá	228		2.534.943.731	2.534.943.731
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.180.192.033)	(956.453.533)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.680.000.000	1.680.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	1.680.000.000	1.680.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		584.446.016	1.202.297.999
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	408.517.416	813.369.399
2. Tài sản dài hạn khác	268		175.928.600	388.928.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		169.305.421.619	162.566.557.862

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		40.784.687.703	36.685.793.030
I. Nợ ngắn hạn	310		40.216.811.703	35.963.815.481
1. Phải trả người bán	312		28.835.899.275	23.960.739.800
2. Người mua trả tiền trước	313		401.140.262	280.479.408
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	3.124.736.596	2.812.708.795
4. Phải trả người lao động	315		4.243.114.288	4.840.831.002
5. Chi phí phải trả	316		212.218.008	532.574.435
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	2.812.755.373	2.304.976.704
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		586.947.901	1.231.505.337
II. Nợ dài hạn	330		567.876.000	721.977.549
1. Phải trả dài hạn khác	333		567.876.000	425.096.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	296.881.549
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		128.520.733.916	125.880.764.832
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	128.520.733.916	125.880.764.832
1. Vốn điều lệ	411		83.518.570.000	83.518.570.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.654.810.040	4.453.538.386
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	37.257.128
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.836.829.464	18.434.286.157
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.078.708.499	3.763.537.087
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		14.431.815.913	15.673.576.074
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		169.305.421.619	162.566.557.862


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012


MẪU SỐ B 01-DN


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012		31/12/2011	
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VNĐ)	002	504.987.308.658	481.866.865.792		
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	004	624.958.040	219.366.460		
3. Ngoại tệ (USD)	007	49.268.37	597.679,32		
4. Ngoại tệ (EUR)	007	553,51	7.720,76		

Giá trị vật tư hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày kết thúc niên độ kế toán thể hiện giá trị của các loại hàng hóa đang được gửi tại các kho của Công ty theo các hợp đồng cho thuê kho.




Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 2 năm 2013


Trương Văn Thuận
Kế toán trưởng


Lê Minh Hải
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	607.333.539.266	619.669.801.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		607.333.539.266	619.669.801.000
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	(494.863.939.410)	(504.134.238.211)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		112.469.599.856	115.535.562.789
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	5.551.121.412	6.865.369.757
7. Chi phí tài chính	22	22	(150.080.908)	(1.864.903.355)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(12.856.111)</i>	<i>(7.901.215)</i>
8. Chi phí bán hàng	24		(72.337.057.705)	(75.172.267.915)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(13.278.489.079)	(13.573.611.321)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		32.255.093.576	31.790.149.955
11. Thu nhập khác	31		602.551.452	613.702.804
12. Chi phí khác	32		(19.384.066)	(587.548.914)
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	23	583.167.386	26.153.890
14. Lợi nhuận trước thuế (40=31-32)	50		32.838.260.962	31.816.303.845
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	(8.038.082.990)	(7.790.870.771)
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		24.800.177.972	24.025.433.074
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	2.969	2.877



Đặng Vũ Thành
Tông Giám đốc
Ngày 22 tháng 2 năm 2013

Trương Văn Thuận
Kế toán trưởng

Lê Minh Hải
Người lập

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	32.838.260.962	31.816.303.845
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.562.633.005	6.610.334.943
Các khoản dự phòng	03	271.218.254	2.054.555.406
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	69.770	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.229.617.746)	(4.833.724.720)
Chi phí lãi vay	06	12.856.111	7.901.215
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	33.455.420.356	35.655.370.689
Thay đổi các khoản phải thu	09	(7.136.332.115)	9.189.668.579
Thay đổi hàng tồn kho	10	389.631.178	(1.524.946.246)
Thay đổi các khoản phải trả	11	3.959.996.407	(9.506.157.119)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(6.006.173)	890.694.379
Tiền lãi vay đã trả	13	(12.856.111)	(7.901.215)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.754.870.771)	(7.485.774.127)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.250.976.502	2.396.589.338
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.640.422.782)	(6.919.129.336)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19.505.536.491	22.688.414.942
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(783.993.895)	(369.012.867)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	818.181	192.550.000
3. Tiền thu hồi từ bán lại các cổ phiếu	24	-	(36.050.000)
4. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.293.512.396	4.541.919.092
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.510.336.682	4.329.406.225
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	13.152.384.262	4.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.152.384.262)	(4.000.000.000)
3. Cổ tức đã trả	36	(18.357.195.700)	(16.828.392.798)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.357.195.700)	(16.828.392.798)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	5.658.677.473	10.189.428.369
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	56.839.351.320	46.144.280.101
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(20.789.515)	505.642.850
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	62.477.239.278	56.839.351.320

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi trả cổ tức và thu từ lãi trong năm không bao gồm số tiền lần lượt là 142.270.893 đồng (năm 2011: 125.381.193 đồng) và 263.943.036 đồng (năm 2011: 324.193.567 đồng) là số cổ tức đã công bố trong năm nhưng chưa thanh toán và khoản lãi dự thu nhưng chưa thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả và các khoản phải thu.



Dặng Vũ Thành
 Tổng giám đốc
 Ngày 22 tháng 2 năm 2013

Trương Văn Thuận
 Kế toán trưởng

Lê Minh Hải
 Người lập

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Kho Vận Miền Nam theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM ngày 27 tháng 9 năm 2006 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300645369 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và thay đổi lần thứ 7 ngày 1 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”) với tỷ lệ sở hữu chiếm 47,73% vốn điều lệ của Công ty, tương đương với quyền biểu quyết tương ứng. Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 4 tháng 2 năm 2010 với mã cổ phiếu là STG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 330 người (năm 2011: 350 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc, xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức, đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh, kinh doanh kho ngoại Quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa, đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), sản xuất gia công các sản phẩm dầu nhớt, dầu mỡ bôi trơn, sản xuất bao bì các loại (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ), mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt - nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng, mua bán hàng may mặc và nguyên phụ liệu may mặc, kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở), kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế, đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa, đại lý bảo hiểm, cho thuê xe ô tô, mua bán phụ gia, nguyên liệu pha chế dầu nhờn, kinh doanh bất động sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, đại lý bán vé tàu thủy, bán buôn phân bón, bình ắc quy.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và nhận ký cược, ký quỹ dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 40
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và trang web được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện quyền Công ty sử dụng lô đất tại 36/1 Sương Nguyệt Ánh, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, CHXHCN Việt Nam trong 50 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng của lô đất.

Phần mềm máy tính và trang web được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn là các khoản đầu tư vào công ty liên kết được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch này. Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá khoản đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được xem là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Công ty được trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo điều lệ Công ty và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	1.267.195.171	706.161.400
Tiền gửi ngân hàng	2.851.974.450	4.129.566.789
Các khoản tương đương tiền	58.358.069.657	52.003.623.131
	<u>62.477.239.278</u>	<u>56.839.351.320</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn từ 1 tháng đến 3 tháng với lãi suất từ 8% đến 9% (năm 2011: từ 13,5% đến 14%).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		
Chứng khoán đã niêm yết	4.516.720.100	4.516.720.100
Chứng khoán chưa niêm yết	2.462.400.000	2.462.400.000
	<u>6.979.120.100</u>	<u>6.979.120.100</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.306.338.740)	(4.569.153.260)
	<u>2.672.781.360</u>	<u>2.409.966.840</u>

Công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dựa trên giá đóng cửa tại ngày giao dịch cuối năm tài chính đối với những chứng khoán niêm yết. Đối với những chứng khoán chưa niêm yết, Công ty trích lập dự phòng dựa trên báo giá trung bình của 3 công ty chứng khoán, trường hợp không thu thập được giá thị trường của chứng khoán chưa niêm yết thì Công ty không trích lập dự phòng.

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty TNHH Dos-Text Việt Nam (*)	789.775.980	789.887.871
Công ty TNHH Glory Oceanic (Việt Nam)	442.926.708	-
Công ty TNHH TM DV XNK Hiệp Tiến Phát	259.576.268	207.911.620
Công Ty Cổ Phần Dabaco Tiền Giang	241.404.012	-
Alisped USA	-	231.751.073
Khách hàng khác	76.794.553	46.894.183
	<u>1.810.477.521</u>	<u>1.276.444.747</u>

(*) Công ty TNHH Dos-Text Việt Nam được Ban Quản Lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Hưng Yên (thuộc UBND Tỉnh Hưng Yên) quyết định thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 052043000082 (chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 2 năm 2009, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 21 tháng 8 năm 2009). Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã trích lập 100% dự phòng phải thu khó đòi cho Công ty TNHH Dos -Text Việt Nam với số tiền là 789.775.980 đồng. Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Hưng Yên, Cơ quan quyết định thành lập, đã có ý kiến là Công ty TNHH Dos-Text Việt Nam đã ngừng hoạt động, không có khả năng thanh toán theo Công văn trả lời số 499/BQL-DT ngày 27 tháng 10 năm 2011 nên Ban Tổng Giám đốc Công ty đang xem xét việc xử lý tài chính của khoản nợ không có khả năng thu hồi này. Theo Khoản 4 Điều 6 quy định về điều kiện Xử lý tài chính các khoản nợ không có khả năng thu hồi tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 thì đối với tổ chức kinh tế là khách nợ đã ngừng hoạt động, không có khả năng chi trả, điều kiện để xử lý khoản nợ là khi có “Xác nhận của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức đăng ký kinh doanh về việc doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động không có khả năng thanh toán”.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa xử lý khoản nợ không có khả năng thu hồi nói trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công cụ, dụng cụ	-	16.291.000
Hàng hoá	3.667.811.986	4.041.152.164
	<u>3.667.811.986</u>	<u>4.057.443.164</u>

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tạm ứng	6.193.537.476	3.176.812.644
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	530.184.800	427.960.000
	<u>6.723.722.276</u>	<u>3.604.772.644</u>

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>VNĐ</u>	Máy móc và thiết bị <u>VNĐ</u>	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Thiết bị văn phòng <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2012	50.797.337.102	5.437.641.499	39.810.344.625	2.363.274.394	98.408.597.620
Tăng	-	608.668.438	-	175.325.457	783.993.895
Thanh lý	-	(94.085.180)	-	(49.769.047)	(143.854.227)
Tại ngày 31/12/2012	<u>50.797.337.102</u>	<u>5.952.224.757</u>	<u>39.810.344.625</u>	<u>2.488.830.804</u>	<u>99.048.737.288</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2012	41.590.397.865	3.477.102.245	17.662.799.165	1.495.612.640	64.225.911.915
Khấu hao trong năm	1.589.108.915	380.036.714	3.096.125.097	273.623.779	5.338.894.505
Thanh lý	-	(89.622.880)	-	(49.769.047)	(139.391.927)
Tại ngày 31/12/2012	<u>43.179.506.780</u>	<u>3.767.516.079</u>	<u>20.758.924.262</u>	<u>1.719.467.372</u>	<u>69.425.414.493</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	<u>7.617.830.322</u>	<u>2.184.708.678</u>	<u>19.051.420.363</u>	<u>769.363.432</u>	<u>29.623.322.795</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>9.206.939.237</u>	<u>1.960.539.254</u>	<u>22.147.545.460</u>	<u>867.661.754</u>	<u>34.182.685.705</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn đang còn tiếp tục sử dụng với nguyên giá là 43.263.712.847 đồng (năm 2011: 29.206.800.048 đồng). Trong số tài sản cố định hữu hình có một số tài sản tạm thời không sử dụng và đang chờ thanh lý với giá trị còn lại 190.897.445 đồng (năm 2011: 0 đồng).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VNĐ</u>	Phần mềm máy tính <u>VNĐ</u>	Trang web <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2012 và 31/12/2012	1.287.550.000	1.069.512.750	177.880.981	2.534.943.731
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2012	145.922.356	640.869.123	169.662.054	956.453.533
Khấu hao trong năm	25.751.004	194.783.904	3.203.592	223.738.500
Tại ngày 31/12/2012	<u>171.673.360</u>	<u>835.653.027</u>	<u>172.865.646</u>	<u>1.180.192.033</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2012	<u>1.115.876.640</u>	<u>233.859.723</u>	<u>5.015.335</u>	<u>1.354.751.698</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.141.627.644</u>	<u>428.643.627</u>	<u>8.218.927</u>	<u>1.578.490.198</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần SDB Việt Nam (“Công ty liên kết”), một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41132000017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2007, và các giấy chứng nhận sửa đổi. Hoạt động chính của Công ty liên kết là kinh doanh dịch vụ kho bãi; dịch vụ đại lý vận tải; dịch vụ thủ tục, hải quan; dịch vụ logistics. Giá gốc của khoản đầu tư là 1.680.000.000 đồng (năm 2011: 1.680.000.000 đồng) chiếm 35% (năm 2011: 35%) vốn điều lệ cũng như quyền biểu quyết trong Công ty liên kết. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty liên kết không phát sinh lỗ lũy kế nên không cần trích lập dự phòng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Số dư đầu năm	813.369.399	1.425.272.285
Tăng trong năm	213.581.737	333.759.730
Phân bổ vào chi phí trong năm	(618.433.720)	(945.662.616)
Số dư cuối năm	<u>408.517.416</u>	<u>813.369.399</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	843.738.111	810.667.734
Thuế xuất nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.038.082.990	1.754.870.771
Thuế thu nhập cá nhân	242.859.695	245.767.203
Các loại thuế khác	55.800	1.403.087
	<u>3.124.736.596</u>	<u>2.812.708.795</u>

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Kinh phí công đoàn	25.863.591	193.651.488
Bảo hiểm y tế	3.817.977	-
Bảo hiểm thất nghiệp	8.031.074	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.217.092.496	1.180.835.774
Phải trả khác	1.557.950.235	930.489.442
	<u>2.812.755.373</u>	<u>2.304.976.704</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 1/1/2011	83.518.570.000	2.906.976.300	(477.756.234)	10.915.825.004	2.965.054.250	18.603.456.223	118.432.125.543
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	24.025.433.074	24.025.433.074
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	515.013.362	-	-	-	515.013.362
Phân phối quỹ	-	1.546.562.086	-	7.518.461.153	1.589.789.912	(10.654.813.151)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(10.857.414.100)	(10.857.414.100)
Chi từ quỹ	-	-	-	-	(522.160.715)	-	(522.160.715)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.824.461.137)	(4.824.461.137)
Giảm khác	-	-	-	-	(269.146.360)	(618.624.835)	(887.771.195)
Tại ngày 31/12/2011	83.518.570.000	4.453.538.386	37.257.128	18.434.286.157	3.763.537.087	15.673.576.074	125.880.764.832
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	24.800.177.972	24.800.177.972
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(37.257.128)	-	-	-	(37.257.128)
Phân phối quỹ	-	1.201.271.654	-	2.402.543.307	720.762.992	(4.324.577.953)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(18.374.085.400)	(18.374.085.400)
Chi từ quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.396.515.722)	(2.396.515.722)
Giảm khác	-	-	-	-	(405.591.580)	(946.759.058)	(1.352.350.638)
Tại ngày 31/12/2012	83.518.570.000	5.654.810.040	-	20.836.829.464	4.078.708.499	14.431.815.913	128.520.733.916

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 19 tháng 4 năm 2012, các cổ đông Công ty đã quyết định trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 16.703.714.000 đồng (năm 2011 đã tạm trích và trả 8.351.857.000 đồng) từ lợi nhuận chưa phân phối. Cũng tại cuộc họp này, Công ty đã quyết định thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát là 480.508.661 đồng. Ngoài ra theo nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 15 tháng 8 năm 2012, Hội đồng quản trị đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 10.022.228.400 đồng.

Các khoản giảm khác từ quỹ dự phòng tài chính bao gồm xử lý nợ phải thu khó đòi đối với Công ty Alisped USA, một khách hàng được xử lý theo quyết định số 214/QĐ-KVMN của Tổng Giám Đốc (căn cứ theo quy chế KTTTC ban hành kèm theo QĐ số 396/QĐ-KVMN ngày 29 tháng 9 năm 2011).

Các quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập theo điều lệ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 số 025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 83.518.570.000 đồng. Số lượng cổ phần và mệnh giá cổ phần như sau:

	31/12/2012
Số lượng cổ phần được phép phát hành	8.351.857
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.351.857
Mệnh giá cổ phiếu (VNĐ)	<u>10.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Tình hình góp vốn điều lệ Công ty của các cổ đông cùng với tỉ lệ sở hữu tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số lượng cổ phiếu		Vốn đã góp	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
			VNĐ	VNĐ
SCIC	3.985.942	3.985.942	39.859.420.000	39.859.420.000
Các cổ đông khác	<u>4.365.915</u>	<u>4.365.915</u>	<u>43.659.150.000</u>	<u>43.659.150.000</u>

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - Bộ phận dịch vụ cảng, kho vận, giao nhận vận tải và Bộ phận kinh doanh xăng dầu, nhớt. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải VNĐ	Kinh doanh xăng dầu, nhớt VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	435.382.032.747	171.951.506.519	607.333.539.266
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	329.201.399.477	165.662.539.933	494.863.939.410
Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp	106.180.633.270	6.288.966.586	112.469.599.856
Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	5.671.227.684	482.445.180	6.153.672.864
Các chi phí trực tiếp	75.236.323.124	4.986.055.630	80.222.378.753
Chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	5.386.080.563	176.552.442	5.562.633.005
Lợi nhuận trước thuế	31.229.457.267	1.608.803.694	32.838.260.962
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	7.635.882.066	402.200.924	8.038.082.990
Lợi nhuận sau thuế	<u>23.593.575.201</u>	<u>1.206.602.771</u>	<u>24.800.177.972</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Tài sản bộ phận	91.147.456.892	9.820.531.525	100.967.988.417
Tài sản không phân bổ	-	-	68.337.433.202
Tổng tài sản	91.147.456.892	9.820.531.525	169.305.421.619
Nợ phải trả bộ phận	34.904.150.582	953.646.353	35.857.796.935
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	4.926.890.768
Tổng nợ phải trả	34.904.150.582	953.646.353	40.784.687.703

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	454.277.547.197	165.392.253.803	619.669.801.000
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	344.548.535.412	159.585.702.799	504.134.238.211
Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp	109.729.011.785	5.806.551.004	115.535.562.789
Doanh thu hoạt động tài chính, và thu nhập khác	7.316.457.929	162.614.632	7.479.072.561
Các chi phí trực tiếp	80.854.192.028	3.733.804.534	84.587.996.562
Chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	6.435.424.379	174.910.564	6.610.334.943
Lợi nhuận trước thuế	29.755.853.307	2.060.450.538	31.816.303.845
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	7.275.758.137	515.112.634	7.790.870.771
Lợi nhuận sau thuế	<u>22.480.095.170</u>	<u>1.545.337.904</u>	<u>24.025.433.074</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tài sản bộ phận	87.310.508.748	10.456.377.094	97.766.885.842
Tài sản không phân bổ	-	-	64.799.672.020
Tổng tài sản	87.310.508.748	10.456.377.094	162.566.557.862
Nợ phải trả bộ phận	28.458.011.860	671.874.781	29.129.886.641
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	7.555.906.389
Tổng nợ phải trả	28.458.011.860	671.874.781	36.685.793.030

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012	2011
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán hàng	171.951.506.519	165.392.253.803
Doanh thu cung cấp dịch vụ	435.382.032.747	454.277.547.197
	<u>607.333.539.266</u>	<u>619.669.801.000</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2012	2011
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn của hàng hóa đã bán	165.662.539.933	159.585.702.799
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	329.201.399.477	344.548.535.412
	<u>494.863.939.410</u>	<u>504.134.238.211</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012	2011
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	622.064.449	1.062.583.912
Chi phí nhân công	53.359.505.315	51.511.096.513
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.562.633.105	6.610.334.943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.627.457.972	17.822.005.793
Chi phí khác	8.909.853.169	10.075.674.190
	<u>85.081.514.010</u>	<u>87.081.695.351</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2012 <u>VNĐ</u>	2011 <u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi	4.547.332.865	3.959.646.609
Cổ tức, lợi nhuận được chia	685.929.000	906.466.050
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	302.811.584	1.980.755.735
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.047.963	-
Lãi do bán ngoại tệ	-	18.501.363
	<u>5.551.121.412</u>	<u>6.865.369.757</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012 <u>VNĐ</u>	2011 <u>VNĐ</u>
Lãi tiền vay	12.856.111	7.901.215
Lỗ do bán ngoại tệ	35.974.810	129.056.147
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	308.946.774	678.674.533
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.117.733	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(222.814.520)	1.049.271.460
	<u>150.080.908</u>	<u>1.864.903.355</u>

23. LỢI NHUẬN KHÁC

	2012 <u>VNĐ</u>	2011 <u>VNĐ</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	818.181	192.550.000
Khác	601.733.271	421.152.804
Thu nhập khác	<u>602.551.452</u>	<u>613.702.804</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(4.462.300)	(224.937.939)
Khác	(14.921.766)	(362.610.975)
Chi phí khác	<u>(19.384.066)</u>	<u>(587.548.914)</u>
Lợi nhuận khác	<u>583.167.386</u>	<u>26.153.890</u>

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012 <u>VNĐ</u>	2011 <u>VNĐ</u>
Lợi nhuận trước thuế	32.838.260.962	31.816.303.845
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(685.929.000)	(906.466.050)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	253.645.289
Thu nhập chịu thuế	<u>32.152.331.962</u>	<u>31.163.483.084</u>
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>8.038.082.990</u>	<u>7.790.870.771</u>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.800.177.972	24.025.433.074
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	<u>8.351.857</u>	<u>8.351.857</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.969</u>	<u>2.877</u>

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>28.901.970.434</u>	<u>18.761.550.392</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	3.466.419.023	8.856.205.020
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	5.068.413.301	8.674.631.200
Sau năm năm	<u>3.303.859.500</u>	<u>4.203.945.000</u>
Tổng cộng	<u>11.838.691.824</u>	<u>21.734.781.220</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất dài hạn, thuê kho và thuê văn phòng tại các xí nghiệp.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH***Quản lý rủi ro vốn***

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.477.239.278	56.839.351.320
Phải thu khách hàng và phải thu khác (trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi)	58.298.305.862	54.441.794.365
Đầu tư ngắn hạn	2.672.781.360	2.409.966.840
Tài sản tài chính khác	706.113.400	816.888.600
Tổng cộng	124.154.439.900	114.508.001.125
Công nợ tài chính		
Phải trả khách hàng và phải trả khác	31.648.654.648	26.265.716.504
Chi phí phải trả	212.218.008	532.574.435
Công nợ tài chính khác	567.876.000	425.096.000
Tổng cộng	32.428.748.656	27.223.386.939

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Công ty không có rủi ro lớn về tỉ giá vì luôn đảm bảo dự trữ nguồn ngoại tệ cần thiết để đáp ứng các nhu cầu của Công ty. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	8.580.146.719	5.866.629.234	4.697.435.201	16.117.737.461
Euro (EUR)	195.410.730	294.696.308	68.650.822	199.958.457
Yên Nhật (JPY)	-	4.370.181	-	-
Đôla Úc (AUD)	29.965.208	30.310.547	-	-
Đôla Singapore (SGD)	39.981.680	19.564.140	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ, Đồng Euro, Đồng Yên Nhật, Đồng Đô la Úc và Đồng Đô la Singapore.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Đô la Mỹ (USD)	388.271.152	(1.025.110.823)
Euro (EUR)	12.675.991	9.473.785
Yên Nhật (JPY)	-	437.018
Đôla Úc (AUD)	2.996.521	3.031.055
Đôla Singapore (SGD)	3.998.168	1.956.414
Tổng cộng	<u>407.941.831</u>	<u>(1.010.212.551)</u>

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa và thuê dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa và giá thuê dịch vụ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Công ty Cổ phần SDB Việt Nam		
Các khoản phải thu	3.700.000	-
Các khoản phải trả	<u>17.041.972</u>	<u>1.106.905.447</u>

29. SỐ LIỆU SO SÁNHMột số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.
Chi tiết như sau:

	Số đã báo cáo VNĐ	Số phân loại lại VNĐ	Thay đổi thuần VNĐ
--	----------------------	-------------------------	-----------------------

Giá vốn hàng bán

Giá vốn của hàng hóa đã bán	162.847.632.734	159.585.702.799	3.261.929.935
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	<u>341.286.605.477</u>	<u>344.548.535.412</u>	<u>(3.261.929.935)</u>

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài**

Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	454.004.819.921	454.277.547.197	(272.727.276)
Kinh doanh xăng dầu, nhớt	<u>165.664.981.079</u>	<u>165.392.253.803</u>	<u>272.727.276</u>

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	344.787.808.140	344.548.535.412	239.272.728
Kinh doanh xăng dầu, nhớt	<u>159.346.430.071</u>	<u>159.585.702.799</u>	<u>(239.272.728)</u>

Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp

Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	109.217.011.781	109.729.011.785	(512.000.004)
Kinh doanh xăng dầu, nhớt	<u>6.318.551.008</u>	<u>5.806.551.004</u>	<u>512.000.004</u>

Các chi phí trực tiếp

Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	80.342.192.024	80.854.192.028	(512.000.004)
Kinh doanh xăng dầu, nhớt	<u>4.245.804.538</u>	<u>3.733.804.534</u>	<u>512.000.004</u>

	Số đã báo cáo VNĐ	Số điều chỉnh lại VNĐ	Thay đổi thuần VNĐ
--	----------------------	--------------------------	-----------------------

Cam kết thuế hoạt động

Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

	<u>8.856.205.020</u>	<u>18.761.550.392</u>	<u>(9.905.345.372)</u>
--	----------------------	-----------------------	------------------------

**Dặng Vũ Thành**

Tổng giám đốc

Ngày 22 tháng 2 năm 2013

Trương Văn Thuận
Kế toán trưởng**Lê Minh Hải**
Lập bảng